

Số: 107/2019/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH
TẠM ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Sang

Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
họp:* Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Tại quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 22/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện E đã căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 119 đường ĐN, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh P, sinh năm 1984 – Đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: 798C đường NT, Phường C, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trần Quang H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 842/30 ấp 2, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Bà Huỳnh Thị Kim L

Địa chỉ: Số 842/31 ấp 2, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ông Lê Văn F, sinh năm 1971

3.4 Bà Lê Kim G, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Số 842/31A đường LV, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 28/9/2018, nguyên đơn không đồng ý với Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án số 22/2018/QĐST-DS ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện E. Nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy quyết định tạm đình chỉ nêu trên vì lý do tạm đình chỉ ghi tại Quyết định trên là cần đợi kết quả cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E nhưng vụ việc của nguyên đơn đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E giải quyết từ tháng 10/2016 sau đó mới chuyển lên Tòa án giải quyết; từ ngày Tòa án nhân dân huyện E có công văn gửi Ủy ban nhân dân xã D đến thời điểm bà làm đơn kháng cáo đã gần một năm nhưng Ủy ban nhân dân xã D vẫn không có kết quả trả lời nhưng Tòa án nhân dân huyện E vẫn không có biện pháp gì.

Tại phiên họp phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Đề nghị Hội đồng xét quyết định căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định tạm đình chỉ 22/2018/QĐST-DS ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện E, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện E tiếp tục giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

[1] Xét tại đơn khởi kiện bà Trương Thị Kim Đ khởi kiện các bị đơn là ông Trần Văn Quang H, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Lê Văn F, bà Lê Kim G yêu cầu ông Trần Văn Quang H trả lại 20m² đất, ông Lê Văn F, bà Lê Kim G trả lại 50m², bà Huỳnh Thị Kim L phải trả lại 5,91m² thuộc thửa 509 (thửa cũ 199) tờ bản đồ số 1, xã D huyện E cho bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC973720, số vào sổ cấp GCN: CH 05734 ngày 14/4/2016 do Ủy ban nhân dân huyện E đã cấp cho bà.

Sau khi thực hiện đo vẽ theo bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh bà yêu cầu phía bị đơn là ông Lê Văn F, bà Lê Kim G trả lại cho bà phần diện tích đất bị lấn chiếm 34,3m² theo bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh số hợp đồng 0778/ĐĐBĐ-VPQ7 ngày 24/7/2017 ở vị trí tranh chấp số 4 (hiện trạng đất trống, diện tích 31,6m²) và vị trí số 9 (hiện trạng tường tôn, diện tích 0,7m²) và vị trí số 11 (hiện trạng tường tôn, diện tích 2m²).

Do bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh số hợp đồng: 07788/ ĐĐBĐ-VPQ7 ngày 27/04/2017 ở vị trí tranh chấp số 4 (hiện trạng đất trống, diện tích 31,6m²) và vị trí số 9 (hiện trạng tường tôn, diện tích 0,7m²) và vị trí số 11 trùng trên hai giấy chứng nhận (hiện trạng tường tôn, diện tích 2m²). Vì vậy, ngày 24/10/2017 Tòa án nhân dân huyện E đã có công văn số 800/TAHNB gửi ủy ban nhân dân xã D, huyện E để yêu cầu: Xác định diện tích cấp trùng là 2m² thuộc vị trí số 11; xác định diện tích đất 31,6m² thuộc vị trí số 4 (hiện trạng đất trống); xác định diện tích 0,7m² thuộc vị trí số 9 (hiện trạng tường tôn) nguồn gốc đất do ai

quản lý, sử dụng. Việc Tòa án nhân dân huyện E yêu cầu Ủy ban nhân dân xã D, huyện E cung cấp các thông tin nêu trên là cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

[2] Trong thời gian chờ kết quả thu thập chứng cứ, Tòa án nhân dân huyện E ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 22/2018/QĐST-DS ngày 12/4/2018 là phù hợp quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Việc nguyên đơn kháng cáo cho rằng vụ việc của nguyên đơn đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E giải quyết từ tháng 10/2016, sau đó mới chuyển lên Tòa án giải quyết nên Tòa án không cần xác minh là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Việc nguyên đơn kháng cáo cho rằng từ thời điểm Tòa án nhân dân huyện E có công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã D, huyện E cung cấp thông tin đến thời điểm nguyên đơn kháng cáo Quyết định tạm đình chỉ là gần một năm nhưng Ủy ban vẫn chưa cung cấp thông tin mà Tòa án không có biện pháp gì. Xét thấy, ngày 24/10/2017, Tòa án nhân dân huyện E có công văn số 800/TAHNB về việc cung cấp thông tin quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân xã D, huyện E. Do không nhận được kết quả xác minh nên ngày 27/4/2018 Tòa án nhân dân huyện E đã có công văn số 250/2018/CV-TA; ngày 31/5/2018 đã có công văn số 336/2018/CV-TA; ngày 05/7/2018 có công văn số 465/2018/CV-TA ngày 05/7/2018 về việc nhắc nhở cung cấp thông tin theo công văn số 800/TAHNB ngày 24/10/2017 nhưng đến thời điểm ra Quyết định tạm đình chỉ Tòa án nhân dân huyện E vẫn chưa nhận được kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E. Vì vậy, lý do kháng cáo này của nguyên đơn cũng không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 22/2018/QĐST-DS ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện E, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện E để tiếp tục giải quyết là có căn cứ chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 22/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết khi lý do tạm đình chỉ không còn.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo qui định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2016;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nguyên đơn – bà Trương Thị Kim Đ.

2. Giữ nguyên Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án số 22/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn – bà Trương Thị Kim Đ với các bị đơn – ông Trần Quang H , bà Huỳnh Thị Kim L, ông Lê Văn F, bà Lê Kim G.

3. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết khi lý do tạm đình chỉ không còn.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0033397 ngày 05/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi căn trừ bà Đ đã nộp án phí dân sự phúc thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa